

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 14

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100001	QUAN LÊ HOÀNG AN	10A1	
2	100002	NGUYỄN PHÚC CHÂU AN	10A10	
3	100003	DƯƠNG BÌNH AN	10A3	
4	100004	VŨ TRẦN THÁI AN	10A3	
5	100005	HUỖNH VÕ NHẬT AN	10A5	
6	100006	LÊ GIA KHANG AN	10A7	
7	100007	NGUYỄN NGỌC VÂN AN	10A8	
8	100008	HUỖNH TRỌNG ÂN	10A6	
9	100009	LẠI HOÀNG MAI ANH	10A1	
10	100010	TRẦN XUÂN ANH	10A1	
11	100011	NGUYỄN THỊ KIM ANH	10A10	
12	100012	LÝ NGỌC BẢO ANH	10A2	
13	100013	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	10A2	
14	100014	HỨA CAO NHẬT ANH	10A3	
15	100015	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	10A3	
16	100016	PHẠM BẢO ANH	10A3	
17	100017	ĐÀO HUỖNH ANH	10A4	
18	100018	ĐỖ QUỲNH ANH	10A4	
19	100019	HUỖNH NGỌC LAN ANH	10A4	
20	100020	LƯ NGÔ QUỲNH ANH	10A5	
21	100021	ĐỖ TRUNG ANH	10A6	
22	100022	NGUYỄN QUỲNH ANH	10A6	
23	100023	TRẦN LAN ANH	10A6	
24	100024	KIỀU MINH ANH	10A7	
25	100025	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	10A7	
26	100026	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN ANH	10A8	
27	100027	PHAN QUỐC ANH	10A8	
28	100028	TẶNG TƯỜNG ANH	10A8	
29	100029	ĐÌNH MINH ANH	10A9	
30	100030	NGUYỄN ĐOÀN TUẤN ANH	10A9	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 15

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100031	TRẦN NHỰT VÂN ANH	10A9	
2	100032	TRẦN PHƯƠNG ANH	10A9	
3	100033	NGUYỄN THỊ HẢI BĂNG	10A2	
4	100034	NGUYỄN KHÁNH BĂNG	10A4	
5	100035	TRƯƠNG KHÁNH BĂNG	10A6	
6	100036	BÙI THIÊN BẢO	10A2	
7	100037	HUỖNH LÊ CHÍ BẢO	10A5	
8	100038	ĐẶNG TRẦN GIA BẢO	10A6	
9	100039	MAI NGỌC GIA BẢO	10A7	
10	100040	TRƯƠNG LÊ GIA BẢO	10A8	
11	100041	TRẦN XUÂN BÌNH	10A9	
12	100042	HUỖNH HOÀNG PHƯƠNG CA	10A10	
13	100043	VÕ TRẦN THIÊN CÁT	10A4	
14	100044	NGUYỄN THẾ CHÂN	10A4	
15	100045	PHẠM NGUYỄN MINH CHÁNH	10A2	
16	100046	NGUYỄN MINH CHÂU	10A6	
17	100047	SÂM BẢO CHÂU	10A9	
18	100048	TRẦN LÊ BẢO CHÂU	10A9	
19	100049	TRẦN KIM CƯỜNG	10A1	
20	100050	PHẠM HỮU CƯỜNG	10A2	
21	100051	BÙI TRÍ CƯỜNG	10A4	
22	100052	VÕ MINH ĐĂNG	10A5	
23	100053	ĐỖ LÊ CÔNG DANH	10A6	
24	100054	ĐỖ MINH ĐẠT	10A1	
25	100055	LÊ TRƯỜNG TIẾN ĐẠT	10A2	
26	100056	ĐỖ THÀNH ĐẠT	10A3	
27	100057	ÔNG PHÁT ĐẠT	10A4	
28	100058	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10A5	
29	100059	ĐINH LÊ TẤN ĐẠT	10A6	
30	100060	PHẠM THÀNH ĐẠT	10A6	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 16

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100061	TÔN GIA ĐẠT	10A6	
2	100062	CAO THÀNH ĐẠT	10A7	
3	100063	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	10A7	
4	100064	PHAN KIẾN ĐẠT	10A7	
5	100065	TRẦN TÂM DI	10A3	
6	100066	TRỊNH THANH DIỆU	10A10	
7	100067	TRẦN PHAN PHONG DINH	10A9	
8	100068	VŨ ĐÌNH ĐÔNG	10A4	
9	100069	PHAN TRỌNG ĐỨC	10A1	
10	100070	VŨ HÀ MINH ĐỨC	10A6	
11	100071	NGUYỄN MINH ĐỨC	10A8	
12	100072	TRẦN THỊ KIM DUNG	10A3	
13	100073	NGUYỄN HOÀNG DUNG	10A4	
14	100074	BÙI TIẾN DŨNG	10A2	
15	100075	LƯƠNG TRÍ DŨNG	10A5	
16	100076	ĐINH TẤN DƯƠNG	10A2	
17	100077	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	10A6	
18	100078	ĐINH NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG	10A2	
19	100079	NGUYỄN QUỐC DUY	10A2	
20	100080	ĐOÀN NGUYỄN BẢO DUY	10A5	
21	100081	TÔ NHẬT DUY	10A6	
22	100082	NGUYỄN THÙY DUYÊN	10A10	
23	100083	HỒ QUỲNH GIAO	10A9	
24	100084	NGUYỄN MINH GIÁP	10A8	
25	100085	NGUYỄN NGỌC HÀ	10A8	
26	100086	ĐOÀN NGỌC TRÚC HÀ	10A9	
27	100087	ĐÀO NHƯ HẠ	10A5	
28	100088	ĐINH TRẦN SƠN HẢI	10A2	
29	100089	TRẦN PHAN NGỌC GIA HÂN	10A1	
30	100090	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC HÂN	10A10	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 17

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100091	LÂM GIA HÂN	10A10	
2	100092	NGUYỄN GIA HÂN	10A10	
3	100093	TRẦN GIA HÂN	10A10	
4	100094	TRẦN LÊ GIA HÂN	10A10	
5	100095	TRẦN GIA HÂN	10A3	
6	100096	PHẠM PHÚC GIA HÂN	10A4	
7	100097	KIM GIA HÂN	10A5	
8	100098	LƯ LÂM BẢO HÂN	10A5	
9	100099	NGUYỄN BẢO HÂN	10A7	
10	100100	PHẠM GIA HÂN	10A7	
11	100101	HUỲNH TRƯƠNG BẢO HÂN	10A8	
12	100102	THÁI GIA HÂN	10A8	
13	100103	LƯƠNG NGỌC GIA HÂN	10A9	
14	100104	NGUYỄN TRẦN GIA HÂN	10A9	
15	100105	NGUYỄN THIÊN HÀO	10A3	
16	100106	NGUYỄN PHƯỚC HẢO	10A1	
17	100107	TIÊU ANH HIỆP	10A3	
18	100108	MÃ NGUYỄN ÂU HIẾU	10A2	
19	100109	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	10A1	
20	100110	VÕ QUỐC HÒA	10A4	
21	100111	NGUYỄN HUY HOÀNG	10A1	
22	100112	NGUYỄN PHẠM HUY HOÀNG	10A2	
23	100113	CAO HUY HOÀNG	10A7	
24	100114	THI PHẠM MINH HOÀNG	10A9	
25	100115	NGUYỄN THÀNH HỌC	10A3	
26	100116	CHIÊM HUÂN HÙNG	10A3	
27	100117	VÕ CHÂN HÙNG	10A4	
28	100118	NGUYỄN THÀNH HÙNG	10A3	
29	100119	PHẠM HUỲNH QUỐC HÙNG	10A4	
30	100120	ĐÀO DUY HÙNG	10A8	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 18

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100121	PHẠM TRẦN DUY HÙNG	10A8	
2	100122	TRẦN GIA HÙNG	10A8	
3	100123	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	10A2	
4	100124	NGÔ QUỐC HUY	10A10	
5	100125	HUỖNH NHẬT HUY	10A3	
6	100126	LÊ QUANG HUY	10A5	
7	100127	NGUYỄN MINH GIA HUY	10A6	
8	100128	TRẦN DIỆP CHẤN HUY	10A7	
9	100129	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	10A7	
10	100130	BÙI HUỖNH VĨ HY	10A1	
11	100131	TRẦN QUANG KHẢI	10A3	
12	100132	PHAN ĐẶNG NHẬT KHẢI	10A4	
13	100133	TRỊNH HOÀNG KHẢI	10A5	
14	100134	PHAN TRẦN HOÀNG KHANG	10A7	
15	100135	PHẠM HỮU KHANG	10A8	
16	100136	HUỖNH NGUYỄN HỮU KHANG	10A9	
17	100137	NGUYỄN KHANG	10A9	
18	100138	KIỀU KIM KHANH	10A5	
19	100139	TRẦN DUY KHANH	10A6	
20	100140	DANH HUỖNH NGÂN KHÁNH	10A1	
21	100141	LÊ GIA KHÁNH	10A10	
22	100142	DƯƠNG QUỐC KHÁNH	10A3	
23	100143	LÊ QUỐC KHÁNH	10A6	
24	100144	PHÙNG ANH KHOA	10A3	
25	100145	HUỖNH VIỆT ĐĂNG KHOA	10A4	
26	100146	NGUYỄN MINH KHOA	10A5	
27	100147	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	10A10	
28	100148	NGUYỄN MINH KHÔI	10A7	
29	100149	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	10A9	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 19

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100150	TRẦN NGUYỄN DUY KHÔI	10A9	
2	100151	PHẠM THỊ MINH KHUÊ	10A10	
3	100152	TRẦN TRUNG KIÊN	10A10	
4	100153	LÊ TẤN KIẾT	10A6	
5	100154	TRỊNH TUẤN KIẾT	10A7	
6	100155	TRẦN LÊ ANH KIẾT	10A8	
7	100156	LÊ THIÊN KIM	10A10	
8	100157	TRẦN GIA KIM	10A2	
9	100158	PHẠM NGUYỄN BẢO LAM	10A1	
10	100159	TRẦN DUY LAM	10A4	
11	100160	TRẦN TƯỜNG LAM	10A6	
12	100161	NGUYỄN HOÀNG LÂM	10A1	
13	100162	DƯƠNG HOÀNG LÂM	10A2	
14	100163	NGÔ TUỆ LÂM	10A4	
15	100164	NGUYỄN HƯƠNG LAN	10A5	
16	100165	NGUYỄN THANH LIÊM	10A10	
17	100166	TRẦN CHÍ LIÊM	10A6	
18	100167	TRẦN THANH LIÊM	10A7	
19	100168	LÊ PHAN KHÁNH LINH	10A1	
20	100169	ĐÀO VŨ NGỌC LINH	10A2	
21	100170	HUYỄN NHẤT LINH	10A7	
22	100171	PHẠM PHƯỚC LỘC	10A3	
23	100172	PHẠM HỮU LỘC	10A4	
24	100173	NGUYỄN TRẦN GIA LỘC	10A5	
25	100174	LÊ TẤN LỘC	10A6	
26	100175	NGUYỄN TRÂM TẤN LỘC	10A7	
27	100176	TRƯƠNG QUANG LỘC	10A8	
28	100177	LÂM NGUYỄN TRƯỜNG LONG	10A1	
29	100178	NGUYỄN VÕ HẢI LONG	10A3	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 20

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100179	LÊ NGUYỄN HOÀNG LONG	10A8	
2	100180	NGUYỄN MINH LUÂN	10A3	
3	100181	TRẦN VIỆT LUYẾN	10A5	
4	100182	BÙI NGỌC MAI	10A7	
5	100183	TẠ NGUYỄN PHƯƠNG MAI	10A8	
6	100184	TRẦN THANH MAI	10A9	
7	100185	LÂM GIA MÃN	10A2	
8	100186	NGUYỄN VĂN MẠNH	10A10	
9	100187	HUỲNH LÊ KHÁNH MINH	10A1	
10	100188	NGÔ CÔNG MINH	10A3	
11	100189	LÊ KHÁNH MINH	10A5	
12	100190	ĐỖ LÊ HỒNG MINH	10A9	
13	100191	TRỊNH NHẬT MY	10A1	
14	100192	NGUYỄN TRÀ MY	10A5	
15	100193	NGUYỄN HOÀNG THẢO MY	10A7	
16	100194	NGUYỄN THỊ THẢO MY	10A9	
17	100195	NGUYỄN NGỌC THÚY MỸ	10A8	
18	100196	LÊ PHƯƠNG NAM	10A10	
19	100197	NGUYỄN QUỐC NAM	10A9	
20	100198	ĐỖ PHƯƠNG NGÂN	10A1	
21	100199	LÊ NGỌC KHÁNH NGÂN	10A1	
22	100200	THÁI HOÀNG BẢO NGÂN	10A10	
23	100201	LÊ NGUYỄN BẢO NGÂN	10A2	
24	100202	HUỲNH THỊ NGỌC NGÂN	10A5	
25	100203	NGUYỄN NGỌC MỸ NGÂN	10A6	
26	100204	LƯU ĐIỀN BẢO NGHI	10A1	
27	100205	NGUYỄN BẢO NGHI	10A2	
28	100206	KIẾN VĨNH NGHI	10A3	
29	100207	CHÂU MỸ NGHI	10A5	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 21

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100208	NGUYỄN QUỐC MINH NGHI	10A9	
2	100209	PHAN PHƯƠNG NGHI	10A9	
3	100210	PHẠM HOÀNG NGHĨA	10A8	
4	100211	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	10A1	
5	100212	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGỌC	10A1	
6	100213	NGUYỄN MINH NGỌC	10A1	
7	100214	TRẦN MINH NGỌC	10A10	
8	100215	HUỲNH THANH NGỌC	10A2	
9	100216	MAI BẢO NGỌC	10A2	
10	100217	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	10A2	
11	100218	DƯƠNG ĐOÀN BẢO NGỌC	10A3	
12	100219	ĐẶNG HỒNG NGỌC	10A3	
13	100220	HUỲNH KIM NGỌC	10A4	
14	100221	LƯƠNG BẢO NGỌC	10A4	
15	100222	NGUYỄN ÁNH NGỌC	10A4	
16	100223	TRẦN THANH NGỌC	10A5	
17	100224	TỬ BẢO NGỌC	10A5	
18	100225	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	10A6	
19	100226	NGUYỄN LÊ KHÁNH NGỌC	10A7	
20	100227	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	10A7	
21	100228	ÂU HUỲNH NGỌC	10A9	
22	100229	ĐÀO BẢO NGỌC	10A9	
23	100230	LÊ NGUYỄN NHƯ NGỌC	10A9	
24	100231	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	10A9	
25	100232	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	10A1	
26	100233	DƯƠNG THẢO NGUYỄN	10A2	
27	100234	PHÙNG LÊ THUẬN NGUYỄN	10A3	
28	100235	PHẠM THÀNH NGUYỄN	10A5	
29	100236	NGUYỄN CÁT NGUYỄN	10A6	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 22

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100237	PHẠM PHÚC NGUYỄN	10A6	
2	100238	HUỖNH NGUYỄN	10A3	
3	100239	NGUYỄN THANH NHÂN	10A3	
4	100240	VÕ NGÔ TRỌNG NHÂN	10A3	
5	100241	BÙI THIÊN NHÂN	10A8	
6	100242	NGÔ THIÊN NHÂN	10A8	
7	100243	LÊ THÀNH KIM NHÂN	10A9	
8	100244	LÊ HOÀNG NHẬT	10A3	
9	100245	ÂU DƯƠNG KHẢ NHI	10A4	
10	100246	HUỖNH THẢO NHI	10A6	
11	100247	LÊ HUỖNH THIÊN NHI	10A7	
12	100248	NGUYỄN TRƯỞNG YẾN NHI	10A8	
13	100249	HOÀNG NGUYỄN YẾN NHI	10A9	
14	100250	NGUYỄN AN NHIÊN	10A6	
15	100251	LÊ QUỖNH NHƯ	10A1	
16	100252	NGUYỄN QUỖNH NHƯ	10A1	
17	100253	NGUYỄN THỊ QUỖNH NHƯ	10A10	
18	100254	LÊ NGUYỄN HUỖNH NHƯ	10A2	
19	100255	NGUYỄN QUỖNH NHƯ	10A7	
20	100256	LÂM BẢO NHƯ	10A8	
21	100257	TRẦN MINH NHỰT	10A10	
22	100258	TRẦN HUỖNH NHỰT	10A4	
23	100259	TRẦN MINH NHỰT	10A6	
24	100260	NGUYỄN HIỂU NGỌC NƯƠNG	10A9	
25	100261	NGUYỄN TIẾN PHÁT	10A2	
26	100262	NGUYỄN HÙNG PHÁT	10A3	
27	100263	TRẦN ĐẶNG ANH PHÁT	10A4	
28	100264	NGUYỄN MINH ĐẠI PHÁT	10A6	
29	100265	ĐOÀN NGUYỄN MINH PHÁT	10A7	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 23

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100266	PHẠM GIA PHÁT	10A7	
2	100267	TRẦN THẮNG PHÁT	10A9	
3	100268	LÊ HOÀNG PHÚ	10A10	
4	100269	ĐẶNG CHÂU THIÊN PHÚ	10A7	
5	100270	TRẦN LÊ GIA PHÚ	10A8	
6	100271	LÊ PHẠM ANH PHÚ	10A9	
7	100272	NGUYỄN GIA PHÚC	10A1	
8	100273	VÕ HOÀNG PHÚC	10A2	
9	100274	LA GIA PHÚC	10A3	
10	100275	VÕ HỒNG PHÚC	10A4	
11	100276	NGUYỄN THỊNH PHÚC	10A5	
12	100277	NGUYỄN TRẦN GIA PHÚC	10A5	
13	100278	LÊ HÒ TRÚC PHƯƠNG	10A1	
14	100279	NGUYỄN NGỌC LAN PHƯƠNG	10A10	
15	100280	PHÙNG QUẾ PHƯƠNG	10A2	
16	100281	TRẦN LAN PHƯƠNG	10A3	
17	100282	THÁI TRƯƠNG Y PHƯƠNG	10A4	
18	100283	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	10A8	
19	100284	BÙI LƯU NHÃ PHƯƠNG	10A9	
20	100285	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	10A9	
21	100286	CHÂU ĐẠI QUAN	10A6	
22	100287	LÊ HOÀNG QUÂN	10A1	
23	100288	PHAN MINH QUÂN	10A4	
24	100289	CA NGUYỄN VIỆT QUÂN	10A5	
25	100290	NGÔ KHẢ QUÂN	10A6	
26	100291	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	10A8	
27	100292	NGUYỄN MINH QUÂN	10A8	
28	100293	TRỊNH MINH QUÂN	10A8	
29	100294	DƯƠNG THỐNG QUỐC	10A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 24

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100295	PHAN TRẦN TỬ QUYÊN	10A1	
2	100296	HUỖNH NGỌC XUÂN QUYÊN	10A9	
3	100297	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	10A3	
4	100298	NGUYỄN THỊ MAI QUỲNH	10A8	
5	100299	NGUYỄN THỊ DIỆP QUỲNH	10A9	
6	100300	ĐẶNG TRƯỜNG SANG	10A1	
7	100301	SỬ TRƯỜNG SƠN	10A2	
8	100302	NGUYỄN HOÀNG SƠN	10A5	
9	100303	MÃ ĐẠI TÀI	10A1	
10	100304	HUỖNH NGUYỄN BĂNG TÂM	10A1	
11	100305	NGUYỄN NHỰT TÂM	10A5	
12	100306	PHẠM HOÀNG MINH TÂM	10A5	
13	100307	VÕ NGỌC THANH TÂM	10A6	
14	100308	TRƯƠNG VIỆT TÂN	10A7	
15	100309	TRẦN PHÚC TẤN	10A8	
16	100310	NGUYỄN VÕ PHƯƠNG HỒNG THẨM	10A7	
17	100311	LÊ QUỐC THẮNG	10A2	
18	100312	TẠ CHIẾN THẮNG	10A8	
19	100313	NGUYỄN HOÀI THANH	10A4	
20	100314	PHAN NGỌC THANH	10A5	
21	100315	TƯỜNG PHI TRÍ THÀNH	10A4	
22	100316	ĐOÀN MINH THÀNH	10A5	
23	100317	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	10A2	
24	100318	NGUYỄN XUÂN THẢO	10A4	
25	100319	LÊ PHƯƠNG THẢO	10A9	
26	100320	NGUYỄN NGỌC ANH THI	10A10	
27	100321	NGUYỄN THI	10A3	
28	100322	PHAN THANH THIÊN	10A5	
29	100323	TRẦN HỒNG THIÊN	10A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 25

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100324	NGÔ NGỌC TÍN THIÊN	10A6	
2	100325	NGUYỄN LÊ HOÀNG THỊNH	10A1	
3	100326	HỒ PHẠM HUNG THỊNH	10A2	
4	100327	HUỖNH KHANG THỊNH	10A7	
5	100328	DƯƠNG PHÚC THỊNH	10A8	
6	100329	HUỖNH MINH PHÚC THỊNH	10A8	
7	100330	NGUYỄN PHÚC THỊNH	10A8	
8	100331	ĐỖ MINH THƠ	10A2	
9	100332	CAO THI MỸ THƠ	10A8	
10	100333	MẠC MINH THƯ	10A10	
11	100334	CHÂU NGUYỄN ANH THƯ	10A3	
12	100335	HOÀNG ANH THƯ	10A4	
13	100336	LÊ NGỌC LAN THƯ	10A4	
14	100337	BÙI THỊ ANH THƯ	10A5	
15	100338	NGUYỄN MINH THƯ	10A6	
16	100339	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	10A7	
17	100340	TRẦN NGỌC THƯ	10A7	
18	100341	ĐOÀN THỊ MINH THƯ	10A8	
19	100342	LÂM GIA THUẬN	10A10	
20	100343	ĐẶNG HÒA THUẬN	10A2	
21	100344	NGUYỄN HỮU THUẬN	10A4	
22	100345	HUỖNH CẨM THÙY	10A10	
23	100346	LƯU PHAN NGỌC THÙY	10A2	
24	100347	LÊ NGỌC HẠ THUYỀN	10A10	
25	100348	TRẦN PHAN BẢO THY	10A3	
26	100349	NGUYỄN HỒNG BẢO THY	10A4	
27	100350	PHẠM NGUYỄN LAM THY	10A5	
28	100351	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC TIÊN	10A9	
29	100352	VŨ MẠNH TIÊN	10A2	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 26

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100353	NGUYỄN DƯ TIẾN	10A8	
2	100354	VÕ NGỌC TOÀN	10A3	
3	100355	ĐINH ĐẶNG HUYỀN TRÂN	10A1	
4	100356	LÊ NGUYỄN BẢO TRÂN	10A2	
5	100357	LÝ NGỌC TRÂN	10A2	
6	100358	TRƯƠNG BẢO TRÂN	10A5	
7	100359	LÊ THANH BẢO TRÂN	10A6	
8	100360	PHÙNG NHÃ TRÂN	10A7	
9	100361	VŨ NGỌC KHÁNH TRÂN	10A7	
10	100362	NGUYỄN BẢO TRÂN	10A9	
11	100363	ĐỖ NGỌC TRIẾT	10A3	
12	100364	LÊ MINH TRIẾT	10A6	
13	100365	LÊ BÌNH TRỌNG	10A4	
14	100366	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	10A5	
15	100367	TRẦN NGỌC THANH TRÚC	10A1	
16	100368	ĐẶNG THỊ THANH TRÚC	10A10	
17	100369	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	10A6	
18	100370	MAI LÂM THANH TRÚC	10A7	
19	100371	TRƯƠNG LÝ KHÁNH TRUNG	10A4	
20	100372	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	10A6	
21	100373	PHAN ANH TÚ	10A10	
22	100374	TRẦN VIỆT TÚ	10A7	
23	100375	LÊ HỮU TUẤN	10A6	
24	100376	HUỲNH LƯƠNG LAM TUỆ	10A5	
25	100377	NGUYỄN THIÊN TƯỜNG	10A10	
26	100378	NGUYỄN CÁT TƯỜNG	10A2	
27	100379	NGUYỄN MAI CÁT TƯỜNG	10A3	
28	100380	LƯU VĨNH TƯỜNG	10A5	
29	100381	LÊ CÁT TƯỜNG	10A8	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA
MÔN NGỮ VĂN, TOÁN, NGOẠI NGỮ, LỊCH SỬ
KHỐI 10 - PHÒNG 27

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	100382	NGUYỄN THÁI UYÊN	10A10	
2	100383	NGÔ MỸ UYÊN	10A5	
3	100384	NGUYỄN THÀNH VĨ	10A8	
4	100385	NGUYỄN KHÁNH VIỆT	10A3	
5	100386	NGUYỄN QUANG VINH	10A10	
6	100387	TRẦN VŨ PHƯỚC VĨNH	10A3	
7	100388	TRẦN CHÍ VĨNH	10A7	
8	100389	PHAN HOÀNG VŨ	10A1	
9	100390	NGUYỄN TRÌNH LONG VŨ	10A2	
10	100391	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀN VŨ	10A7	
11	100392	LÝ HOÀNG YẾN VY	10A1	
12	100393	PHAN THÁI VY	10A1	
13	100394	BÙI THẢO VY	10A10	
14	100395	HUỖNH THANH VY	10A2	
15	100396	BÙI TƯỜNG VY	10A4	
16	100397	HUỖNH LÊ PHƯƠNG VY	10A4	
17	100398	NGUYỄN HOÀNG KHẢ VY	10A5	
18	100399	ĐÌNH HỒNG TƯỜNG VY	10A6	
19	100400	LÊ BẢO VY	10A7	
20	100401	NGUYỄN LÂM PHƯƠNG VY	10A7	
21	100402	TRỊNH NGỌC THÚY VY	10A7	
22	100403	VÕ HOÀNG YẾN VY	10A9	
23	100404	TRẦN THỊ NHƯ Ý	10A10	
24	100405	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	10A5	
25	100406	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	10A8	
26	100407	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	10A9	
27	100408	LÊ THỊ HỒNG YẾN	10A10	
28	100409	TỔNG KIM YẾN	10A6	
29	100410	HUỖNH NGỌC XUÂN YẾN	10A9	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên